

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-PT

Ngày 17-12-2021.

V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hồng Quân

Ông Vũ Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trà -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Mạc Minh Song - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2021, về việc: Tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 31-8-2021 của Tòa án nhân dân huyện YB, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2021/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà Ngô Thị P, sinh năm 1960; Có mặt

Địa chỉ: Thôn MT, xã ĐM, huyện YB, tỉnh Yên Bái.

- Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1962; Có mặt

Địa chỉ: Tổ 5, khu 1A, phường VP, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ.

2. Bị đơn: Ông Ngô Ngọc H, sinh năm 1957; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn MT, xã ĐM, huyện YB, tỉnh Yên Bái.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Ngô Thị A sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn MT, xã ĐM, huyện YB, tỉnh Yên Bái; Vắng mặt.

- Ông Ngô Xuân Y sinh năm 1951; Địa chỉ: Tổ dân phố số 01, thị trấn TB, huyện YB, tỉnh Yên Bái; Vắng mặt.

- Bà Quách Thị Tây C, sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn MT, xã ĐM, huyện YB, tỉnh Yên Bái; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị P và bà Ngô Thị Đ thống nhất trình bày:

Cụ Ngô Ngọc E và cụ Hoàng Thị M sinh được 04 người con là Ngô Thị P, Ngô Thị Đ, Ngô Thị A và Ngô Ngọc H. Ngoài ra, cụ E có nhận ông Ngô Xuân Y là con nuôi, nhưng ông Y không ở cùng và cũng không chăm sóc cụ E ngày nào. Cụ Ngô Ngọc E chết ngày 17 tháng 12 năm 2001) và cụ Hoàng Thị M chết ngày 22 tháng 11 năm 2017), các cụ không để lại di chúc.

Bà Ngô Thị P và bà Ngô Thị Đ yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ E, cụ M để lại gồm có:

- Diện tích đất thổ cư 150m² (trên đất có 01 nhà gỗ xoan 4 gian, nhà bếp xây) đã được Ủy ban nhân dân huyện YB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 tại thôn MT, xã ĐM, huyện YB, tỉnh Yên Bái cấp cho hộ ông Ngô Ngọc E

- Diện tích đất vườn tạp 1.420m² đã được UBND huyện YB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 tại thôn MT, xã ĐM, huyện YB, tỉnh Yên Bái cấp cho hộ ông Ngô Ngọc E. Năm 2012, vợ chồng ông Ngô Ngọc H đến ở và quản lý diện tích đất này cho đến nay.

- Diện tích đất ruộng là 428m² gồm hai thửa (một thửa 380m² và một thửa 48m²) tại thôn MT, xã ĐM, huyện YB, tỉnh Yên Bái đã được UBND huyện YB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 cho hộ ông Ngô Ngọc E. Hiện nay, bà Ngô Thị P đang quản lý, sử dụng diện tích đất ruộng này. Trên diện tích đất ruộng không có tài sản gì.

- Tài sản trên đất: 01 ngôi nhà gỗ xoan 04 gian do cụ E và cụ M vay tiền dựng trên diện tích đất thổ cư năm 1976; 01 nhà bếp do ông H xây bằng tiền xây bếp do cụ M đưa.

- Cây, hoa màu trên đất: Trên diện tích đất vườn tạp có 31 cây bưởi và 01 cây mít. Bà P, bà Đ xác định số cây bưởi và cây mít này là do cụ E, cụ M trồng từ năm 1975 đến năm 1992.

Bà P, bà Đ có nguyện vọng được chia nhà, bếp, đất thổ cư, đất vườn tạp, đất ruộng để sử dụng. Cụ thể: đất vườn tạp, đất lúa yêu cầu được hưởng mỗi người 1/4 diện tích các loại đất nêu trên để sử dụng. Riêng thửa đất lúa 48m²

không phân chia mà để làm nơi đặt mộ cụ Ngô Ngọc E. Đối với diện tích đất thổ cư yêu cầu được hưởng mỗi người $\frac{1}{2}$ diện tích để sử dụng.

Về nhà: Bà P, bà Đ có nguyện vọng được hưởng mỗi người $\frac{1}{4}$ ngôi nhà gỗ.

Về bếp: Bà P, bà Đ không có nhu cầu sử dụng bếp, ai được phân chia bếp thì thanh toán giá trị tài sản cho bà P, bà Đ.

Về số cây bưởi trên diện tích đất vườn tạp, ai được phân chia đất mà có số cây bưởi trên đất thì người đó sẽ được hưởng.

Về 01 cây mít: Bà P, bà Đ không yêu cầu phân chia, nếu ai được chia phần đất có cây mít thì người đó sẽ được hưởng.

Tại biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Ngô Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Thị Tây C thống nhất trình bày:

Về hàng thừa kế: Cụ Ngô Ngọc E (chết năm 2001) và cụ Hoàng Thị M (chết năm 2017) không để lại di chúc. Cụ E và cụ M sinh được 04 người con là Ngô Ngọc H, Ngô Thị P, Ngô Thị Đ, Ngô Thị A; Cụ E có một người con riêng là ông Ngô Xuân Y.

Về di sản thừa kế gồm có:

- Diện tích đất thổ cư $150m^2$ (trên đất có 01 nhà gỗ xoan 4 gian) và diện tích đất vườn tạp $1.420m^2$ đã được Ủy ban nhân dân huyện YB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 cho hộ ông Ngô Ngọc E. Từ năm 1989 đến nay vợ chồng ông Ngô Ngọc H đến ở và quản lý diện tích đất này.

- Diện tích đất ruộng là $428m^2$ (gồm 02 thửa, một thửa $380m^2$ và một thửa $48m^2$) đã được UBND huyện YB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Ngô Ngọc E năm 2001, hiện diện tích đất này bà Ngô Thị P đang quản lý, sử dụng.

- Về tài sản trên đất chỉ có 01 cây mít già và 01 ngôi nhà gỗ xoan 04 gian do cụ E, cụ M dựng năm 1976 trên diện tích đất thổ cư, sau đó khoảng năm 1979 nhà bị cháy một nửa, quá trình ở vợ chồng ông đã 03 lần tu sửa ngôi nhà gỗ đó, nên di sản thừa kế mà bố mẹ để lại trên đất thổ cư chỉ còn ngôi nhà gỗ xoan (hiện chỉ còn khung cột và vách đất), còn lại trần tôn, mái tôn xộp và gạch lát nền là do vợ chồng ông tu sửa vào ngôi nhà.

Ông Ngô Ngọc H và bà Quách Thị Tây C đề nghị chia thừa kế của cụ E, cụ M như sau:

Đối với diện tích đất thổ cư, vườn tạp, đất lúa đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 cho hộ ông Ngô Ngọc E. Thời điểm cấp đất, hộ gia đình cụ E gồm có các thành viên: Cụ E, cụ M, ông H, bà C và hai con của vợ chồng ông H, nên phần di sản mà cụ E, cụ M để lại chỉ là một phần trong tổng diện tích nhà ở và các loại đất nêu trên. Ông H và bà C đề nghị Tòa án xác định rõ

phần di sản của cụ E, cụ M để lại trong tổng số tài sản nêu trên và chỉ phân chia phần di sản này của cụ E, cụ M cho các con.

Nguyên vọng của vợ chồng ông muốn được tiếp tục sử dụng nhà ở và đất thổ cư mà vợ chồng ông hiện giờ đang quản lý, sử dụng, vì vợ chồng không còn nhà, đất nào khác. Còn bà P, bà Đ, bà A, ông Y đều đã có nhà, đất riêng.

Còn đối với diện tích đất lúa gồm 02 mảnh, mảnh thứ nhất có diện tích 380m² do bà P đang quản lý, sử dụng. Ông H không có nguyên vọng được sử dụng diện tích đất lúa này, nếu chia cho ai thì người đó sẽ thanh toán phần giá trị đất tương ứng với phần mà gia đình ông được hưởng cho gia đình ông. Mảnh thứ 2 có diện tích 48m², ông H nhất trí với đề nghị của bà P, bà Đ là không phân chia mà để làm nơi đặt mộ cụ Ngô Ngọc E.

Các tài sản trên đất: Đối với ngôi nhà gỗ xoan do cụ E và cụ M dựng từ năm 1976, hiện chỉ còn khung cột gỗ và vách đất. Quá trình ở vợ chồng ông đã tu sửa, tôn tạo lại nhà từ năm 1991 (các phần mà vợ chồng ông tu sửa theo đúng như biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/6/2021); Còn 01 cây mít (hiện đã già) thì không phân chia mà ai được chia phần đất có cây mít thì người đó sẽ được hưởng.

Các tài sản khác trên đất là tài sản của vợ chồng ông H không phải di sản thừa kế, gồm có: 01 nhà bếp thì vợ chồng ông tự bỏ tiền ra để xây dựng, cây cối hoa màu trên đất gồm cây bưởi và các loại cây trồng khác trên đất theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/6/2021 là do vợ chồng ông trồng cấy. Khi chia di sản mà cây nằm trên đất phân chia của ai thì người đó phải thanh toán giá trị cây cho vợ chồng ông. Vợ chồng ông không có yêu cầu gì về công sức giữ gìn tài sản là diện tích đất thổ cư và vườn tạp.

Trong giai đoạn sơ thẩm, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Ngô Xuân Y và bà Ngô Thị A, nhưng ông Y, bà A không đến Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, không có lời khai của ông Y, bà A.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09 tháng 6 năm 2021 và kết luận định giá tài sản ngày 16 tháng 7 năm 2021:

- Diện tích đất thổ cư: tờ bản 364b, thửa số 241 cũ đo vẽ năm 2001 khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nay là thửa số 410, tờ bản đồ số 53 đo vẽ năm 2018), diện tích đất đo được thực tế là: 150m² (đúng với diện tích được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) có giá trị là 150m² x 300.000đ/m² = 45.000.000 đồng.

Trên đất có: 01 nhà gỗ mộc kỹ 04 gian, 04 hàng chân, diện tích 79m² (chỉ còn lại khung cột và vách đất là di sản của cụ E và cụ M, phần này đã khấu hao hết, không còn giá trị), các phần mà ông H, bà C tu sửa vào ngôi nhà gồm trần tôn và mái tôn xộp có giá trị là 14.473.200 đồng; 01 bếp xây diện tích 17,1m², trong đó có một phần bếp diện tích 8,5m² xây lên trên phần đất vườn tạp, có giá trị là 37.008.000 đồng; 01 nhà vệ sinh, nhà tắm diện tích 6,4m² có giá trị là 20.947.000

đồng; 01 phòng ngủ gắn liền với bếp diện tích 20,1m² có giá trị là 43.644.000 đồng. Ngoài ra còn 1 phần xây dựng bán mái, lợp proximang diện tích 08m² có giá trị là 3.146.000 đồng.

Diện tích đất thổ cư nêu trên không thể tách thửa được vì trên đất có một ngôi nhà gỗ mộc kỹ (phần di sản còn lại của cụ E, cụ M trong ngôi nhà là khung cột và vách đất), phần này không thể phân chia được vì nếu phân chia sẽ mất đi giá trị sử dụng chung của ngôi nhà.

- Diện tích đất vườn tạp: từ bản đồ số 364b, thửa số 240 cũ đo vẽ năm 2001 (nay là thửa số 411, từ bản đồ số 53 đo vẽ năm 2018), diện tích đo thực tế 1.420m² (đúng với diện tích được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), có giá trị là $1.420\text{m}^2 \times 30.000\text{đ/m}^2 = 42.600.000$ đồng. Trên đất có 31 cây bưởi, 01 cây mít, 01 sân hình chữ L diện tích 126,1m², 04 đoạn tường rào, 01 chuồng lợn, 01 giếng nước, một phần diện tích bếp và các cây trồng khác, tổng giá trị là 54.639.100 đồng.

Diện tích đất vườn tạp này có thể tách thành 04 thửa (có sơ đồ kèm theo), bao gồm:

+ Thửa số 411, diện tích 301,3m² có giá trị là: 9.039.000 đồng; Tài sản trên thửa đất này gồm 07 cây bưởi, 01 cây vải, 01 bụi tre gai, tổng giá trị là 4.150.000 đồng.

+ Thửa số 412, diện tích 519,8m² có giá trị là: 15.594.000 đồng; Tài sản trên thửa đất này gồm 15 cây bưởi, 02 khóm mẫu đơn, 02 cây đu đủ, 01 cây chanh, 01 cây na, 01 cây đào tiên, 01 đoạn tường rào, 01 sân lát vỉa xi măng, tổng giá trị là 22.213.600 đồng.

+ Thửa số 413, diện tích 296,1m² có giá trị là 8.883.000 đồng. Tài sản trên thửa đất này gồm 01 đoạn tường rào, 01 chuồng lợn, 01 giếng đào, 04 cây bưởi, 01 cây chanh, 01 cây cam, 01 cây cọ, 01 cây xoài, 20 cây đinh lăng, 01 cây nhội, 01 cây cau, tổng giá trị là 17.174.500 đồng. Trên đất còn có 01 cây mít có giá trị là 1.100.000 đồng.

+ Thửa số 414, diện tích 302,8m² có giá trị là 9.084.000 đồng. Tài sản trên thửa đất này gồm 02 đoạn tường rào, 05 cây bưởi, 02 cây nhãn, 02 cây quế, 01 cây cam, tổng giá trị là 10.001.000 đồng.

- Diện tích đất lúa: có 02 mảnh như sau:

+ Mảnh thứ nhất thuộc thửa số 577, từ bản đồ số 08 cũ đo vẽ năm 2001 (nay là thửa số 409, từ bản đồ số 53 đo vẽ năm 2018). Diện tích đo được thực tế là: 456,5m², so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (380m²), tăng 76,6m² (Không xác định được vị trí diện tích đất tăng thêm này). Nguyên nhân có sự chênh lệch là do sai số đo đạc khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất tăng thêm này có nguồn gốc cùng với nguồn gốc đất đã được cấp và thuộc diện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi làm gia tăng để cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất thì không phải nộp thuế. Diện tích đất lúa này có thể tách ra thành 02 thửa (có sơ đồ kèm theo), bao gồm: thửa số 409, diện tích 226,1m² có giá trị là 9.044.000 đồng; thửa số 415, diện tích 230,4m² có giá trị là 9.216.000 đồng.

+ Mảnh thứ hai thuộc thửa số 547c, tờ bản đồ số 08 cũ đo vẽ năm 2001 (nay là thửa 466, tờ bản đồ số 52, đo vẽ năm 2018). Diện tích đo được thực tế là: 48m² (đúng với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) có giá trị là 1.920.000 đồng. Trên hai mảnh đất nêu trên không có tài sản gì.

Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Cụ Ngô Ngọc E có một người con riêng là ông Ngô Xuân Y, sinh năm 1951, hiện trú tại thị trấn TB, huyện YB, tỉnh Yên Bái.

Về hộ khẩu gia đình của cụ E, cụ M tại thời điểm năm 2000-2001: không có tài liệu thể hiện về việc đăng ký hộ khẩu của gia đình cụ Ngô Ngọc E nên không xác định được thời điểm này hộ gia đình cụ Ngô Ngọc E có những thành viên nào.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 31-8-2021 của Tòa án nhân dân huyện YB, tỉnh Yên Bái đã quyết định:

Áp dụng khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 165; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 609, Điều 612, Điều 613, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự; Điều 28 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hàng thừa kế của cụ Ngô Ngọc E gồm: Cụ Hoàng Thị M, ông Ngô Xuân Y, ông Ngô Ngọc H, bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị A.

Hàng thừa kế của cụ Hoàng Thị M gồm: Ông Ngô Ngọc H, bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị A.

2. Chia di sản thừa kế như sau:

- Giao cho ông Ngô Ngọc H:

+ 150m² đất thổ cư thuộc thửa đất số 410, tờ bản đồ số 53, có giá trị là 45.000.000 đồng. Tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất vườn tạp thửa số 412 đo được 17,44m; Phía Tây giáp đất vườn tạp thửa số 412 đo được 17,62m; Phía Nam giáp đất vườn tạp thửa số 412 đo được 8,50m; Phía Bắc giáp đất vườn tạp thửa số 412 đo được 8,62m. Tài sản trên đất: 01 ngôi nhà gỗ mộc kỹ (đã hết giá trị).

+ 519,8m² đất vườn tạp thuộc thửa số 412, tờ bản đồ số 53, có giá trị là 15.594.000 đồng. Tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất vườn tạp thửa số 411 và thửa số 413 đo được là 26,8m; Phía Tây giáp đất bà Ngô Thị P đo được là

36,68m;Phía Nam giáp đường liên thôn đo được là: 17,92m; Phía Đông giáp thửa số 413 đo được là 33,85m.

- Giao cho bà Ngô Thị P:

+ 301,3m² đất vườn tạp thuộc thửa số 411, tờ bản đồ 53, có giá trị là 9.039.000 đồng. Tờ cận như sau: Phía Bắc giáp đất nhà bà Trương Thị B và bà Trương Thị D đo được là 20,27m; Phía Tây giáp đất bà Ngô Thị P đo được là: 18,56m;Phía Nam giáp đất vườn tạp thửa số 412 đo được là 17,32m;Phía Đông giáp đất nhà ông Trương Văn X đo được là 17,01m. Tài sản trên đất gồm: 07 cây bưởi, 01 cây vải, 01 bụi tre gai. Tổng giá trị tài sản trên đất có giá trị là 4.150.000 đồng.

+ 226,1m² đất lúa thuộc thửa số 409, tờ bản đồ số 53, có giá trị là 9.044.000 đồng. Tờ cận như sau: Phía Bắc giáp đất lúa ông Nguyễn Văn O đo được là 7,39m; Phía Tây giáp đất lúa ông Dương Văn F đo được là 22,83m; Phía Nam giáp đất lúa ông Nguyễn Duy P đo được là 10,8m; Phía Tây giáp đất lúa thửa số 415 đo được là 24,95m.

- Giao cho bà Ngô Thị A: 296,1m² đất vườn tạp thuộc thửa số 413, tờ bản đồ số 53, có giá trị là 8.883.000 đồng. Tờ cận như sau: Phía Bắc một cạnh giáp đất vườn tạp thửa số 411 đo được 6,2m, một cạnh giáp đất ông Trương Văn X đo được là 10,48m; Phía Tây giáp đất vườn tạp thửa số 412 đo được là 49,53m; Phía Nam giáp đường đi liên thôn đo được là 10,89m; Phía Đông giáp đất vườn tạp thửa số 414 đo được 40,76m.

Tài sản trên đất gồm:01 đoạn tường rào, 01 chuồng lợn, 01 giếng đào, 04 cây bưởi, 01 cây chanh, 01 cây cam, 01 cây cọ, 01 cây xoài, 20 cây đinh lăng, 01 cây nhội, 01 cây cau, 01 cây mít. Tổng giá trị tài sản trên đất (trừ 01 cây mít) có giá trị là 17.174.500 đồng.

- Giao cho bà Ngô Thị D:

+ 302,8m² đất vườn tạp thuộc thửa số 414, tờ bản đồ số 53, có giá trị là 9.084.000 đồng. Tờ cận như sau: Phía Bắc giáp đất ông Trương Văn X đo được là 3,51m; Phía Tây giáp đất vườn tạp thửa số 413 đo được là 40,76m; Phía Nam giáp đường đi liên thôn đo được là 11,05m; Phía Đông giáp đất ông Ngô Ngọc H đang quản lý, sử dụng đo được là 38,93m. Trên đất có các tài sản:02 đoạn tường rào, 05 cây bưởi, 02 cây nhãn, 02 cây quế, 01 cây cam. Tổng giá trị tài sản trên đất là 10.001.000 đồng.

+ 230,4m² đất lúa là thửa số 415, tờ bản đồ số 53, có giá trị là 9.216.000 đồng. Tờ cận như sau: Phía Bắc giáp đất lúa ông Nguyễn Trung K và ông Nguyễn Văn O đo được là 3,12m;Phía Tây giáp đất lúa thửa số 409 đo được là 24,95m; Phía Nam một cạnh giáp đất lúa ông Nguyễn Duy P đo được là 4,2m; một cạnh giáp đất lúa ông Nguyễn Văn O đo được 9,84m;Phía Đông giáp đất lúa ông Nguyễn Trung K và đất lúa gia đình bà Ngọc Thúc đo được là 26,03m.

3. Ông Ngô Ngọc H phải thanh toán tiền chênh lệch giá trị về tài sản cho ông Ngô Xuân Y số tiền là 8.822.000đ (Tám triệu tám trăm hai mươi hai nghìn đồng); thanh toán cho bà Ngô Thị P số tiền là 6.177.000đ (Sáu triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng); thanh toán cho bà Ngô Thị A số tiền là 15.377.000đ (Mười lăm triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng); thanh toán cho bà Ngô Thị Đ số tiền là 5.960.000đ (Năm triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

4. Bà Ngô Thị P phải thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Ngô Ngọc H và bà Quách Thị Tây C số tiền là: 4.150.000đ (Bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng); bà Ngô Thị A phải thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Ngô Ngọc H và bà Quách Thị Tây C số tiền là: 17.174.500đ (Mười bảy triệu một trăm bảy mươi tư nghìn năm trăm đồng); bà Ngô Thị Đ phải thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Ngô Ngọc H và bà Quách Thị Tây C số tiền là: 10.001.000đ (Mười triệu không trăm linh một nghìn đồng).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 13-9-2021, nguyên đơn là bà Ngô Thị P và bà Ngô Thị Đ có đơn kháng cáo đề nghị xét xử phúc thẩm các nội dung:

- Đề nghị xác định di sản thừa kế của Ngô Ngọc E và cụ Hoàng Thị M là ngôi nhà gỗ xoan dựng năm 1975 trên thửa đất thổ cư có giá trị 39.000.000đồng.

- Đề nghị xác định toàn bộ các loại cây như xoan, mít, bưởi, quế trên đất di sản thừa kế là do cụ Ngô Ngọc E và cụ Hoàng Thị M trồng, nên được coi là di sản thừa kế.

- Đề nghị giao cho bà Ngô Thị P được hưởng thừa đất số 412 để tiện sử dụng.

- Đề nghị xác định di sản thừa kế là nhà bếp và công trình phụ do ông Ngô Ngọc H xây dựng trên đất thổ cư, vì ông H đã sử dụng tiền truy lĩnh cán bộ tiền khởi nghĩa của cụ Ngô Ngọc E là 25.000.000 đồng để xây bếp và công trình phụ.

- Đề nghị xác định giếng nước trên thửa đất 413 là của cụ Hoàng Thị M bỏ tiền thuê người đào.

- Đề nghị chia thừa kế đối với 800m² chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thôn MT, xã ĐM, huyện YB, tỉnh Yên Bái.

- Đề nghị xác định ông Ngô Ngọc Yên không phải là con của cụ Ngô Ngọc E nên không được chia thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Ngô Thị P trình bày thay đổi nội dung kháng cáo như sau:

- Đề nghị xem xét lại việc chia thừa kế đối với thửa đất thổ cư. Trường hợp bà P và bà Đ không được chia đất thổ cư thì được nhận tiền giá trị đất theo kỹ phần.

- Đề nghị xác định toàn bộ các loại cây trồng trên đất di sản thừa kế là do cụ Ngô Ngọc E và cụ Hoàng Thị M trồng, nên được coi là di sản thừa kế. Do đó, cây trồng trên đất của ai được chia theo Bản án sơ thẩm thì người đó được hưởng, không phải thanh toán giá trị cây cho ông Ngô Ngọc H.

- Đề nghị xác định di sản thừa kế là nhà bếp và công trình phụ do ông Ngô Ngọc H xây dựng trên đất thổ cư, vì ông H đã sử dụng tiền truy lĩnh cán bộ tiền khởi nghĩa của cụ Ngô Ngọc E là 25.000.000 đồng để xây bếp và công trình phụ.

- Bà Ngô Thị P đề nghị chia một lối đi trên thửa 412 kéo dài từ mặt đường bê tông đến mảnh đất 411.

Ngoài những nội dung kháng cáo nêu trên, bà P nhất trí với bản án sơ thẩm về những nội dung còn lại trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Ngô Thị Đ nhất trí với nội dung kháng cáo như bà Ngô Thị P trình bày.

Bị đơn ông Ngô Ngọc H trình bày không đồng ý với những nội dung kháng cáo của Ngô Thị P và Ngô Thị Đ. Đề nghị giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 31-8-2021 của Tòa án nhân dân huyện YB, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; kháng cáo của nguyên đơn làm trong hạn luật định và hợp lệ.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Ngô Thị P và bà Ngô Thị Đ; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 31-8-2021 của Tòa án nhân dân huyện YB, tỉnh Yên Bái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai, xem xét tại phiên tòa, cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Ngô Thị P và bà Ngô Thị Đ khởi kiện bị đơn ông Ngô Ngọc H yêu cầu chia di sản thừa kế của bố, mẹ đẻ là cụ Ngô Ngọc E (chết năm 2001) và cụ Hoàng Thị M (chết năm 2017). Tòa án nhân dân huyện YB, tỉnh Yên Bái thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp chia di sản thừa kế là phù hợp quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Ngô Thị P và bà Ngô Thị Đ đúng hình thức, trong hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị A có đơn đề nghị đề ngày 18-9-2021, nhưng bà A đã không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện YB để làm rõ những nội dung trong đơn, nên được coi là không có kháng cáo.

Tòa án đã triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị A và ông Ngô Xuân Y, nhưng bà A và ông Y đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về xác định người thừa kế và hàng thừa kế: Bản án sơ thẩm đã xác định:

- Hàng thừa kế của cụ Ngô Ngọc E gồm: Cụ Hoàng Thị M, ông Ngô Xuân Y, ông Ngô Ngọc H, bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị A.

- Hàng thừa kế của cụ Hoàng Thị M gồm: Ông Ngô Ngọc H, bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không có ý kiến phản đối, nên Hội đồng xét xử kết luận Bản án sơ thẩm xác định người thừa kế và hàng thừa kế như trên là đúng.

[3] Về xác định di sản thừa kế: Các đương sự đã thống nhất với Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09 tháng 6 năm 2021 và kết luận định giá tài sản ngày 16 tháng 7 năm 2021, thể hiện:

[3.1.] Di sản của cụ Ngô Ngọc E (chết năm 2001) và cụ Hoàng Thị M (chết năm 2017) đã thống nhất gồm có:

- 150m² đất thổ cư, trị giá: 45.000.000 đồng; và 01 nhà gỗ mộc kỹ (chỉ còn khung cột và vách đất, hiện đã hết giá trị).

- 1.420m² đất vườn tạp tờ bản đồ số 364b, thửa số 240 cũ đo vẽ năm 2001 (nay là thửa số 411, tờ bản đồ số 53 đo vẽ năm 2018), trị giá: 42.600.000 đồng.

- 504,5m² đất lúa: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự ông H, bà P, bà Đ đều thống nhất để lại diện tích đất lúa 48m² tại thửa số 466, tờ bản đồ số 52 để sử dụng chung, làm nơi đặt mộ cụ Ngô Ngọc E. Diện tích đất lúa còn lại để phân chia di sản thừa kế là 456,5m² trị giá là 18.260.000 đồng.

Tổng trị giá di sản thừa kế của cụ E, cụ M là: 105.860.000 đồng.

[3.2.] Các đương sự không thống nhất những tài sản sau đây là di sản thừa kế: 01 nhà bếp, công trình phụ, 31 cây bưởi và các cây trồng khác trên diện tích đất vườn tạp, tổng giá trị là 54.639.100 đồng.

[4] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn Ngô Thị P và Ngô Thị Đ đề nghị chia diện tích 150m² đất thổ cư, thuộc thửa đất số 410 cho những người được hưởng thừa kế.

Hội đồng xét xử thấy việc chia đất phải đảm bảo được đủ diện tích để tách thửa theo quy định của pháp luật. Theo Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05-10-2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai thì diện tích, kích thước tối thiểu của thửa đất mới và diện tích còn lại của thửa đất sau khi tách thửa đối với đất ở tại các xã thì diện tích không nhỏ hơn 60m², kích thước mặt cạnh tiền và chiều sâu của thửa đất không nhỏ hơn 4,0m. Do đó, việc Bản án sơ thẩm không chia tách diện tích đất thổ cư, mà giao cho ông Ngô Ngọc H được hưởng là có căn cứ và phù hợp với thực tế. Bởi lẽ, vợ chồng ông H đã sinh sống trên thửa đất này từ năm 1990, có công sức tôn tạo, giữ gìn đối với khối tài sản của cụ E và cụ M. Ngoài các thửa đất này, gia đình ông H không có nơi ở nào khác. Mặt khác, những người thừa kế khác là bà Ngô Thị P, Ngô Thị Đ, Ngô Thị A đều đã có nơi ở ổn định. Bản án sơ thẩm cũng tính giá trị thửa đất thổ cư vào trong giá trị tài sản mà ông H được hưởng để buộc ông H phải thanh toán tiền chênh lệch cho những người thừa kế khác, là đảm bảo công bằng và đúng pháp luật.

[5] Xét nội dung kháng cáo của bà Ngô Thị P và Ngô Thị Đ về việc: Đề nghị xác định tất cả cây trồng trên diện tích đất vườn tạp là do cụ E, cụ M trồng từ năm 1970 nên được coi là di sản thừa kế; Đề nghị Tòa án giải quyết theo hướng cây trồng trên thửa đất của người nào thì người đó được hưởng thừa kế, không phải thanh toán giá trị cây cho ông Ngô Ngọc H

Hội đồng xét xử thấy: Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09-6-2021 thể hiện: Trên diện tích vườn tạp có 31 cây bưởi và một số cây cối khác, trong đó có cây nhiều tuổi nhất là 32 tuổi. Như vậy là tuổi của cây không phù hợp với lời trình bày của bà P và bà Đ về việc cụ E và cụ M trồng cây từ năm 1970, ngoài ra cũng không có chứng cứ khác chứng minh cụ E, cụ M đã trồng cây trên diện tích đất vườn tạp. Lời khai của ông H và bà C khẳng định các cây này là do ông H, bà C trồng từ khi về chung sống cùng cụ E và cụ M năm 1990, từ khi cụ E, cụ M chết cho đến nay, thì ông H, bà C đang thực tế chiếm hữu, khai thác toàn bộ số cây trồng trên diện tích đất vườn tạp. Do đó, Bản án sơ thẩm căn cứ Điều 184 của Bộ luật Dân sự để xác định đây là tài sản của vợ chồng ông H, đồng thời quyết định chia di sản mà cây nằm trên đất của người thừa kế nào, thì người đó phải thanh toán giá trị cây trồng cho ông H là có căn cứ. Vì vậy, nội dung kháng cáo này của bà P và bà Đ không được chấp nhận

[6] Xét nội dung kháng cáo của bà Ngô Thị P và Ngô Thị Đ về việc đề nghị xác định nhà bếp và công trình phụ dựng trên thửa đất 412 là di sản thừa kế vì ông H đã sử dụng tiền chế độ chính sách người có công của cụ E là 25.000.000 đồng để xây; ông H phải trích chia giá trị nhà bếp và công trình phụ cho các thừa kế khác.

Hội đồng xét xử thấy: Đối với 01 nhà bếp xây bằng gạch ba vạnh, lợp Proxi măng, diện tích $17,1m^2$ và công trình phụ được vợ chồng ông H xây dựng từ năm 2016 và sử dụng từ đó đến nay. Trong hồ sơ vụ án và tại các phiên tòa, bà P và bà Đ cũng không chứng minh được việc ông H sử dụng tiền chế độ chính sách người có công của cụ E là 25.000.000 đồng để xây bếp. Bản án sơ thẩm xác định nhà bếp và công trình phụ không phải là di sản thừa kế mà là tài sản của vợ chồng ông H là phù hợp. Do đó, nội dung kháng cáo này của bà P và bà Đ không được chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị P yêu cầu dành một lối đi trên thửa đất số 412 để vào thửa đất số 411.

Hội đồng xét xử thấy: Bản án sơ thẩm giao cho bà Ngô Thị P thửa đất số 411 có diện tích $301,3m^2$ đất vườn tạp. Thửa đất số 411 này tiếp giáp với chính thửa đất của bà P mà khi còn sống cụ E, cụ M cho (đã được Ủy ban nhân dân huyện YB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho bà P năm 2001). Như vậy, thửa đất số 411 giao cho bà P không thuộc trường hợp *"bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng"* như quy định của khoản 1 Điều 254 của Bộ luật Dân sự. Bà P hoàn toàn có thể tạo lối đi trên đất của mình vào thửa đất số 411 mà không bị cản trở. Do đó, nội dung kháng cáo này của bà Ngô Thị P là không có cơ sở, nên không được chấp nhận.

[8] Bản án sơ thẩm đã xác định tổng trị giá trị di sản thừa kế của cụ Ngô Ngọc E và cụ Hoàng Thị M là: 105.860.000 đồng; trong đó mỗi cụ có phần tài sản trị giá $105.860.000 \text{ đồng} / 2 = 52.930.000 \text{ đồng}$.

- Hàng thừa kế của cụ Ngô Ngọc E gồm: Cụ Hoàng Thị M, ông Ngô Xuân Y, ông Ngô Ngọc H, bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị A. Mỗi người thừa kế hưởng phần tài sản trị giá là $52.930.000 \text{ đồng} / 6 = 8.821.667 \text{ đồng}$ (làm tròn thành 8.822.000 đồng).

- Hàng thừa kế của cụ Hoàng Thị M gồm: Ông Ngô Ngọc H, bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị A. Mỗi người thừa kế hưởng phần tài sản trị giá là: $(52.930.000 \text{ đồng} + 8.822.000 \text{ đồng}) / 4 = 15.438.000 \text{ đồng}$.

Như vậy: Ông Ngô Ngọc H, bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị A mỗi người được hưởng phần tài sản trị giá là 24.260.000 đồng; Ông Ngô Xuân Y được hưởng phần tài sản trị giá là 8.822.000 đồng;

Xét việc Bản án sơ thẩm xác định di sản thừa kế, người thừa kế theo pháp luật là đúng quy định tại Điều 612, 613, 651 của Bộ luật Dân sự. Việc quyết định phân chia thừa kế bằng hiện vật, xác định nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản giữa những người được hưởng thừa kế là phù hợp với thực tế nhu cầu về tài sản, đảm bảo giá trị sử dụng của tài sản, công sức quản lý, đóng góp, tôn tạo vào di sản thừa kế, đồng thời cũng đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp các bên đương sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên

tòa về việc không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Ngô Thị P và bà Ngô Thị Đồng, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 31-8-2021 của Tòa án nhân dân huyện YB, tỉnh Yên Bái.

[9]Đối với các nội dung khác của Bản án sơ thẩm mà các đương sự không đề nghị xem xét lại và các quyết định về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử giữ nguyên như của bản án sơ thẩm.

[10] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà Ngô Thị P và bà Ngô Thị Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 31-8-2021 của Tòa án nhân dân huyện YB, tỉnh Yên Bái như sau:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 165; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 609, Điều 612, Điều 613, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự; Điều 28 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Hàng thừa kế của cụ Ngô Ngọc E gồm: Cụ Hoàng Thị M, ông Ngô Xuân Y, ông Ngô Ngọc H, bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị A.

Hàng thừa kế của cụ Hoàng Thị M gồm: Ông Ngô Ngọc H, bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị A.

2. Chia di sản thừa kế như sau:

2.1. Giao cho ông Ngô Ngọc H:

- 150m² đất thổ cư thuộc thửa đất số 410, tờ bản đồ số 53, tại thôn MT, xã ĐM, huyện YB, tỉnh Yên Bái, có giá trị là 45.000.000 đồng. Tờ bản đồ như sau: Phía Đông giáp đất vườn tấp thửa số 412 đo được 17,44m; Phía Tây giáp đất vườn tấp thửa số 412 đo được 17,62m; Phía Nam giáp đất vườn tấp thửa số 412 đo được 8,50m; Phía Bắc giáp đất vườn tấp thửa số 412 đo được 8,62m. Tài sản trên đất: 01 ngôi nhà gỗ mộc kỹ (đã hết giá trị).

-519,8m² đất vườn tạp thuộc thửa số 412, tờ bản đồ số 53, tại thôn MT, xã ĐM, huyện YB, tỉnh Yên Bái, có giá trị là 15.594.000 đồng. Tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất vườn tạp thửa số 411 và thửa số 413 đo được là 26,8m; Phía Tây giáp đất bà Ngô Thị P đo được là 36,68m; Phía Nam giáp đường liên thôn đo được là: 17,92m; Phía Đông giáp thửa số 413 đo được là 33,85m.

- Ông Ngô Ngọc H phải thanh toán tiền chênh lệch giá trị về tài sản cho ông Ngô Xuân Y số tiền là 8.822.000đ (Tám triệu tám trăm hai mươi hai nghìn đồng); thanh toán cho bà Ngô Thị P số tiền là 6.177.000đ (Sáu triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng); thanh toán cho bà Ngô Thị A số tiền là 15.377.000đ (Mười lăm triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng); thanh toán cho bà Ngô Thị Đ số tiền là 5.960.000đ (Năm triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

2.2. Giao cho bà Ngô Thị P:

-301,3m² đất vườn tạp thuộc thửa số 411, tờ bản đồ số 53, tại thôn MT, xã ĐM, huyện YB, tỉnh Yên Bái, có giá trị là 9.039.000 đồng. Tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất nhà bà Trương Thị B và bà Trương Thị D đo được là 20,27m; Phía Tây giáp đất bà Ngô Thị P đo được là: 18,56m; Phía Nam giáp đất vườn tạp thửa số 412 đo được là 17,32m; Phía Đông giáp đất nhà ông Trương Văn X đo được là 17,01m. Tài sản trên đất gồm: 07 cây bưởi, 01 cây vải, 01 búi tre gai. Tổng giá trị tài sản trên đất có giá trị là 4.150.000 đồng.

-226,1m² đất lúa thuộc thửa số 409, tờ bản đồ số 53, tại thôn MT, xã ĐM, huyện YB, tỉnh Yên Bái, có giá trị là 9.044.000 đồng. Tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất lúa ông Nguyễn Văn O đo được là 7,39m; Phía Tây giáp đất lúa ông Dương Văn F đo được là 22,83m; Phía Nam giáp đất lúa ông Nguyễn Duy P đo được là 10,8m; Phía Tây giáp đất lúa thửa số 415 đo được là 24,95m.

- Bà Ngô Thị P phải thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Ngô Ngọc H và bà Quách Thị Tây C số tiền là: 4.150.000đ (Bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng)

2.3. Giao cho bà Ngô Thị A:

- 296,1m² đất vườn tạp thuộc thửa số 413, tờ bản đồ số 53, tại thôn MT, xã ĐM, huyện YB, tỉnh Yên Bái, có giá trị là 8.883.000 đồng. Tứ cận như sau: Phía Bắc một cạnh giáp đất vườn tạp thửa số 411 đo được 6,2m, một cạnh giáp đất ông Trương Văn X đo được là 10,48m; Phía Tây giáp đất vườn tạp thửa số 412 đo được là 49,53m; Phía Nam giáp đường đi liên thôn đo được là 10,89m; Phía Đông giáp đất vườn tạp thửa số 414 đo được 40,76m. Tài sản trên đất gồm: 01 đoạn tường rào, 01 chuồng lợn, 01 giếng đào, 04 cây bưởi, 01 cây chanh, 01 cây cam, 01 cây cò, 01 cây xoài, 20 cây đinh lăng, 01 cây nhội, 01 cây cau, 01 cây mít. Tổng giá trị tài sản trên đất (trừ 01 cây mít) có giá trị là 17.174.500 đồng.

- Bà Ngô Thị A phải thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Ngô Ngọc H và bà Quách Thị Tây C số tiền là: 17.174.500đ (Mười bảy triệu một trăm bảy mươi tư nghìn năm trăm đồng);

2.4. Giao cho bà Ngô Thị Đ:

- 302,8m² đất vườn tạp thuộc thửa số 414, tờ bản đồ số 53, có giá trị là 9.084.000 đồng, tại thôn MT, xã ĐM, huyện YB, tỉnh Yên Bái. Tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất ông Trương Văn X đo được là 3,51m; Phía Tây giáp đất vườn tạp thửa số 413 đo được là 40,76m; Phía Nam giáp đường đi liên thôn đo được là 11,05m; Phía Đông giáp đất ông Ngô Ngọc H đang quản lý, sử dụng đo được là 38,93m. Trên đất có các tài sản: 02 đoạn tường rào, 05 cây bưởi, 02 cây nhãn, 02 cây quế, 01 cây cam. Tổng giá trị tài sản trên đất là 10.001.000 đồng.

-230,4m² đất lúa là thửa số 415, tờ bản đồ số 53, tại thôn MT, xã ĐM, huyện YB, tỉnh Yên Bái, có giá trị là 9.216.000 đồng. Tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất lúa ông Nguyễn Trung K và ông Nguyễn Văn O đo được là 3,12m; Phía Tây giáp đất lúa thửa số 409 đo được là 24,95m; Phía Nam một cạnh giáp đất lúa ông Nguyễn Duy P đo được là 4,2m; một cạnh giáp đất lúa ông Nguyễn Văn O đo được 9,84m; Phía Đông giáp đất lúa ông Nguyễn Trung K và đất lúa gia đình bà NT đo được là 26,03m.

- Bà Ngô Thị Đ phải thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Ngô Ngọc H và bà Quách Thị Tây C số tiền là: 10.001.000đ (Mười triệu không trăm linh một nghìn đồng).

(Kèm theo bản án là 02 sơ đồ các diện tích đất chia thừa kế trong vụ án này).

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

- Ông Ngô Xuân Y phải hoàn trả cho bà Ngô Thị P 475.000đ (Bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và hoàn trả cho bà Ngô Thị Đ 475.000đ (Bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Ông Ngô Ngọc H phải hoàn trả cho bà Ngô Thị P 1.069.000đ (Một triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng) và hoàn trả bà Ngô Thị Đ 1.069.000đ (Một triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

- Bà Ngô Thị A phải hoàn trả cho bà Ngô Thị P 1.069.000đ (Một triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng) và hoàn trả cho bà Ngô Thị Đ 1.069.000đ (Một triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

6. Đối với các nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ hoàn trả thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Xuân Y phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 441.000 đồng (Ông Y chưa nộp).

Ông Ngô Ngọc H, bà Ngô Thị A mỗi người phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.213.000đ (Một triệu hai trăm mười ba nghìn đồng). Ông H, bà A chưa nộp.

Bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị Đ mỗi người phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.213.000đ (Một triệu hai trăm mười ba nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp là 875.000đ (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0007017 và số AA/2017/0007016 ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YB. Bà P, bà Đ mỗi người còn phải nộp số tiền là 338.000đ (Ba trăm ba mươi tám nghìn đồng).

8. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị Đ, mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí của mỗi người đã nộp là 300.000 đồng tại các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0007139 ngày 16-9-2021 và số AA/2017/0007140 ngày 21-9-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YB, tỉnh Yên Bái. Bà P và bà Đ đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND huyện YB;
- Chi cục THADS huyện YB;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- Người có QL&NV liên quan;
- Lưu: HCTP; Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Dũng